



**CDTM**  
Anytime Anywhere

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ, DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



## Địa chỉ

63B Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, tp Hà Nội

## Văn phòng đại diện

P215B, Khách sạn Thể thao, 15 Lê Văn Thiêm, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp Hà Nội

## Website

[www.cdtm.com.vn](http://www.cdtm.com.vn)

## Hotline

024.3552.8554



**HỒ SƠ NĂNG LỰC CDTM**



## Mục lục

**1**

Giới thiệu

3

**2**

Nhân sự

6

**3**

Dịch vụ

8

**4**

Thiết bị

10

**5**

Dự án tiêu biểu

12

# 1. GIỚI THIỆU

\* Công ty Cổ phần Công nghệ, Dịch vụ Tài nguyên và Môi trường là đơn vị được thành lập ngày 6 tháng 6 năm 2007 theo đăng ký kinh doanh số 0102285139 của Sở Kế hoạch và Đầu tư - thành phố Hà Nội.

\* Giấy phép đo đạc bản đồ cấp lần 2 số 00831 do Cục đo đạc bản đồ và thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 24 tháng 4 năm 2021.

\* Chứng chỉ hành nghề Khảo sát địa hình hạng II số HAN-00019612 do Sở Xây Dựng thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 1 năm 2019.

## SLOGAN: “ ANYTIME ANYWHERE ”



### TÂM NHÌN

Thế giới đang đẩy mạnh phát triển và ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 đồng thời thực hiện mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số. Nền tảng của nó là Internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn, robot, trí tuệ nhân tạo, kết nối thực - ảo... đây là cuộc cách mạng thông minh hóa, là máy móc thay thế lao động trí óc. Bản đồ, hệ thống thông tin địa lý là nền tảng chung và là một phần không thể tách rời trong công cuộc này.



### SỨ MỆNH

Kiên trì, bền bỉ trong sản xuất, tiên phong áp dụng khoa học kỹ thuật mang lại giá trị vượt qua sự mong đợi của khách hàng



### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- + Uy tín là phương châm.
- + Đoàn kết để mạnh mẽ
- + Khoa học, công nghệ để phát triển



### Trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy phép:

1. Chỉ được thực hiện các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ trong phạm vi cho phép của giấy phép này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ, quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Nghiêm cấm cho tổ chức khác thuê, mượn hoặc sử dụng giấy phép này để hoạt động đo đạc và bản đồ.
4. Nghiêm cấm tẩy xóa, sửa chữa giấy phép.
5. Xuất trình giấy phép khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ SỐ: 00831

### GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ SỐ: 00831

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ, DỊCH VỤ  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Trụ sở chính: Số 63B Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02435528554. Email: cdtm662007@gmail.com.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần:

Mã số doanh nghiệp: 0102285139;

Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

#### Cấp phép nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ:

1. Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ chuyên ngành địa chính.
2. Xử lý dữ liệu ảnh viễn thám.
3. Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình chuyên ngành tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:2.000, 1:5000.
4. Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình đáy biển khu vực cửa sông, cảng biển tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:2.000; 1:5000.
5. Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính.
6. Đo đạc, thành lập bản đồ công trình.

**Thời hạn của Giấy phép:** Có giá trị đến ngày 23 tháng 4 năm 2026.

**Phạm vi hoạt động của Giấy phép:** Trong cả nước.

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**CỤC TRƯỞNG**

**CỤC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ**

**VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM**



**Hoàng Ngọc Lâm**

**SỞ XÂY DỰNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Số: HAN-00019612**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/QĐ-SXD ngày 03/01/2019 của Sở Xây dựng Hà Nội)*

**Tên tổ chức: CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ, DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN VÀ  
MÔI TRƯỜNG**

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 0102285139**

**Đăng ký lần đầu: 06/6/2007**

**Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội**

**Đăng ký thay đổi lần 3: 18/10/2018**

**Tên người đại diện theo pháp luật:**

**Ông (Bà): NGUYỄN VĂN ĐÔNG**

**Chức vụ: Giám đốc**

**Địa chỉ trụ sở chính: 63B Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố  
Hà Nội, Việt Nam**

**Số điện thoại: 024.3552.8554**

**Số fax:**

**Email: ctycpcndvtnvmt@gmail.com**

**Phạm vi hoạt động xây dựng:**

**- Lĩnh vực hoạt động: (Lĩnh vực/Loại công trình/Hạng)**

**Khảo sát địa hình/Hạng II**

**Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 03/01/2029**

*Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2019*



**GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Dục**



## 2. NHÂN SỰ

Công ty có đội ngũ cán bộ kỹ thuật, khoa học với gần 30 người (chưa kể cộng tác viên) đã tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công tác khảo sát, thành lập bản đồ liên quan đến các lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; Giao thông; Thủy lợi; kinh tế xã hội...

- Tiến sỹ, thạc sỹ, kỹ sư trắc địa bản đồ
- Thạc sỹ, kỹ sư Quản lý đất đai, Địa chính
- Thạc sỹ, kỹ sư Khoa học Môi trường
- Thạc sỹ, cử nhân Luật, Kinh tế
- Kỹ sư Tin học, Tin học trắc địa
- Công nhân kỹ thuật





### 1. Bộ phận quản lý

- Chủ tịch kiêm giám đốc công ty
- 01 phó giám đốc phụ trách sản xuất
  - 01 phó giám đốc phụ trách khoa học, công nghệ
  - Phòng Hành chính tổng hợp: 02 người
  - Phòng Kế hoạch kỹ thuật - Tài chính: 03 người



### 2. Bộ phận sản xuất trực tiếp

- Đoàn khảo sát: 15 người
- Đoàn Điều tra, quy hoạch sử dụng đất: 6 người



### 3. Công tác viên hiện đang công tác tại:

- Tổng cục quản lý đất đai – Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam – Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Viện Quy hoạch đô thị và Nông thôn quốc gia – Bộ Xây dựng
- Trường Đại học Giao thông Vận tải – Bộ Giáo dục và đào tạo

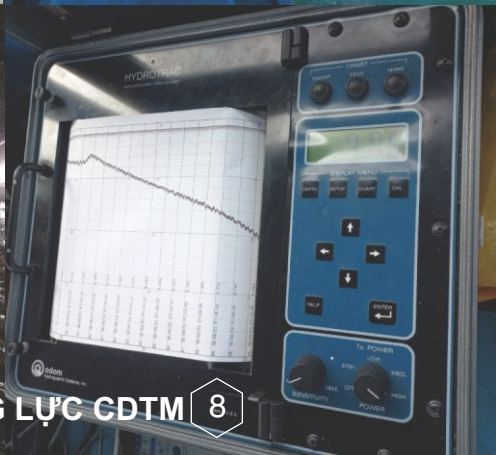


# 3.DỊCH VỤ

Công ty Cổ phần Công nghệ, Dịch vụ Tài nguyên và Môi trường có chức năng tư vấn xây dựng các Dự án liên quan đến các lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, giao thông, thủy lợi.... Các dịch vụ chủ yếu bao gồm:

## 1.Dịch vụ khảo sát địa hình:

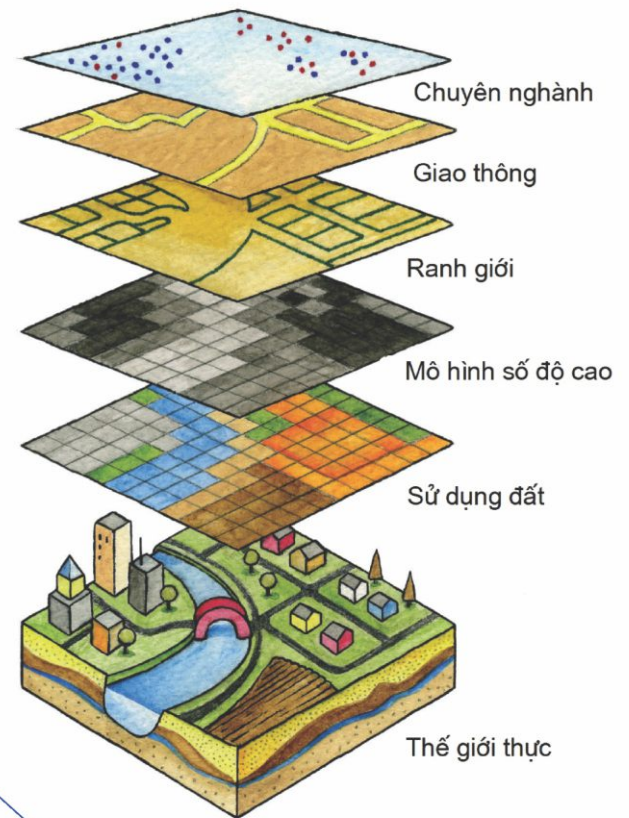
- + Lập nhiệm vụ, thiết kế kỹ thuật – dự toán, tư vấn lập phương án khảo sát thành lập bản đồ.
- + Khảo sát, đo đạc thành lập bản đồ địa hình trên cạn, dưới nước tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:2000, 1:5000.
- + Khảo sát địa hình công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi,...





## 2. Dịch vụ liên quan đến quản lý đất đai

- + Đo đạc thành lập bản đồ địa chính.
- + Điều tra, đánh giá đất đai; Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.



## 3. Dịch vụ thu nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý

- + Bay chụp ảnh bằng UAV.
- + Xử lý dữ liệu ảnh viễn thám.
- + Điều tra, thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý, cơ sở dữ liệu quản lý hạ tầng kỹ thuật và các cơ sở dữ liệu khác



# 4. THIẾT BỊ

Công ty Cổ phần Công nghệ, Dịch vụ Tài nguyên và Môi trường là một trong những đơn vị tiên phong áp dụng khoa học, công nghệ hiện đại phục vụ công tác đo đạc, khảo sát, thu nhận thông tin địa lý. Một số thiết bị và phần mềm tiêu biểu:

## I. MÁY MÓC, THIẾT BỊ:

| STT | LOẠI THIẾT BỊ                         | SỐ LƯỢNG | TÌNH TRẠNG    |
|-----|---------------------------------------|----------|---------------|
| 1   | Máy định vị toàn cầu GNSS 2 tần T-300 | 06       | Hoạt động tốt |
| 2   | Máy toàn đạc điện tử                  | 03       | Hoạt động tốt |
| 3   | Máy thủy bình điện tử DL-202, Kolida  | 02       | Hoạt động tốt |
| 4   | Máy thủy bình Leica Sprinter 250M     | 01       | Hoạt động tốt |
| 5   | Máy bay không người lái DJI           | 01       | Hoạt động tốt |
| 6   | Máy bay không người lái DJI - RTK     | 01       | Hoạt động tốt |
| 7   | Máy bay không người lái Trinity F90+  | 01       | Hoạt động tốt |
| 8   | UAV bay chụp và quét Lidar M300       | 01       | Hoạt động tốt |
| 9   | Máy quét 3D Faro 350S                 | 01       | Hoạt động tốt |
| 10  | Hệ thống đo sâu hồi âm đơn tia        | 01       | Hoạt động tốt |





## THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA CÁC THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI

### THIẾT BỊ BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI TRINITY F90+ CỦA HÃNG QUANTUM SYSTEMS – ĐỨC

- + Chế độ bay: Tự động theo chương trình
- + Camera: Sony UMC 20Mpx
- + Thời gian bay: 90 phút
- + Tầm bay: 7km



### THIẾT BỊ BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI PHANTOM4 RTK

- + Chế độ bay: Tự động theo chương trình, bằng tay
- + Camera: chụp ảnh 20Mpx, quay video 4k
- + Thời gian bay: 30 phút
- + Cảm biến tránh chướng ngại vật

### THIẾT BỊ BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI MATRICE 300 GẮN ỚNG KÍNH LIDAR ZENMUSE L1

- + Chế độ bay: Tự động theo chương trình, bằng tay
- + Ống kính lidar: 50 điểm/1m<sup>2</sup>
- + Thời gian bay: 35 phút
- + Độ chính xác về độ cao < 5cm
- + Cảm biến tránh chướng ngại vật



## II. PHẦN MỀM

- Thành lập và biên tập bản đồ: Microstation, Mapping Office, AutoCad, Map-publisher, Global Mapper, DpSurvey, Hhmap, ...
- Thành lập và quản lý cơ sở dữ liệu ArcGIS, Mapinfo, QGIS, FME;
- Phần mềm quản lý bay, xử lý ảnh từ UAV: Qbase3D, Agrisoft Metashape, Pix4D, Context Capture, AutoDesk ReCap.

# 5. DỰ ÁN TIÊU BIỂU

## I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 3 NĂM GẦN NHẤT

| NĂM                                  | 2022                 | 2023           | 2024           |
|--------------------------------------|----------------------|----------------|----------------|
| NỘI DUNG                             | BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN |                |                |
| Tổng tài sản                         | 11,547,058,345       | 17,515,759,216 | 25,479,799,577 |
| Tổng nợ                              | 8,269,117,434        | 12,053,311,644 | 19,696,954,159 |
| Giá trị tài sản ròng                 | 3,277,940,911        | 5,462,447,572  | 5,782,845,418  |
| Tài sản ngắn hạn                     | 9,878,898,920        | 15,035,191,858 | 23,573,216,872 |
| Nợ ngắn hạn                          | 8,269,117,434        | 12,053,311,644 | 19,696,954,159 |
| Vốn lưu động                         | 1,609,781,486        | 2,981,880,214  | 3,876,262,713  |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH |                      |                |                |
| Tổng doanh thu                       | 16,453,286,354       | 24,289,362,115 | 26,110,868,777 |
| Lợi nhuận trước thuế                 | 296,499,336          | 512,025,864    | 436,938,872    |
| Lợi nhuận sau thuế                   | 236,469,469          | 424,052,891    | 320,397,846    |



## II. DỰ ÁN TIÊU BIỂU – KHẢO SÁT LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH CÁC TỶ LỆ

| STT | HỢP ĐỒNG SỐ                   | NĂM  | NỘI DUNG                                                                                                                                                     | CHỦ ĐẦU TƯ                                          | ĐỊA ĐIỂM   | GIÁ TRỊ<br>(Nghìn đồng) |
|-----|-------------------------------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------|-------------------------|
| 1   | Số 37/2017/HĐ – TV            | 2017 | Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/5000 phục vụ Lập Quy hoạch chung xây dựng khu vực Du lịch–Đô thị - Thương mại ven biển Nghi Xuân–Nghi Lộc–Hà Tĩnh                   | Công ty cổ phần tập đoàn T&T                        | Hà Tĩnh    | 3.194.000               |
| 2   | Số 16/2018/HĐKT               | 2018 | Khảo sát lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 phục vụ lập quy hoạch phân khu 2.3 huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai                                                | Phòng Quản lý đô thị huyện Nhơn Trạch.              | Đồng Nai   | 2.136.000               |
| 3   | Số 02/2018/QHPY               | 2018 | Khảo sát địa hình đáy biển, lập quy hoạch chi tiết nuôi trồng thủy sản vịnh Xuân Đài, thị xã Sông Cầu tỉnh Phú Yên                                           | Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên | Phú Yên    | 2.859.274               |
| 4   | Số 02/2020/HĐ-TVKS-QH         | 2020 | Khảo sát địa hình trên bờ và đáy biển phục vụ lập đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực Cái Rỗng, khu kinh tế Vân Đồn                    | Ban Quản lý khu kinh tế Vân Đồn                     | Quảng Ninh | 2.038.000               |
| 5   | Số 30/2020/HĐ-TV              | 2020 | Khảo sát địa hình, tỷ lệ 1/2.000 phân khu 2 tại các phường: Yết Kiêu, Trần Hưng Đạo, Cao Xanh, Hà Khánh, Cao Thắng, Hà Lâm, thành phố Hạ Long                | Phòng Quản lý đô thị thành phố Hạ Long              | Quảng Ninh | 614.000                 |
| 6   | Số 01/2020/HĐKT               | 2020 | Khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5000 phân khu 2.1 theo điều chỉnh quy hoạch đô thị mới Nhơn Trạch                                                                  | Phòng Quản lý đô thị huyện Nhơn Trạch.              | Đồng Nai   | 1.375.140               |
| 7   | Số 02/2020/HĐKT               | 2020 | Khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5000 phân khu 2.2 theo điều chỉnh quy hoạch đô thị mới Nhơn Trạch                                                                  | Phòng Quản lý đô thị huyện Nhơn Trạch.              | Đồng Nai   | 1.047.422               |
| 8   | Số 03/2020/HĐKT               | 2020 | Khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5000 phân khu 6.2 theo điều chỉnh quy hoạch đô thị mới Nhơn Trạch                                                                  | Phòng Quản lý đô thị huyện Nhơn Trạch.              | Đồng Nai   | 2.651.413               |
| 9   | Số 01/2020/HĐ DVPTV/EREA-CDTM | 2020 | Biên tập, chuẩn hóa bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000, 1/5.000, 1/10.000 47 tỉnh và chuyển đổi định dạng bản đồ số sang AutoCad phục vụ công tác quản lý đầu tư. | Cục Điện lực và năng lượng tái tạo                  | Toàn quốc  | 6.700.000               |

| STT | HỢP ĐỒNG SỐ                    | NĂM  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                          | CHỦ ĐẦU TƯ                                         | ĐỊA ĐIỂM       | GIÁ TRỊ<br>( Nghìn đồng) |
|-----|--------------------------------|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------|--------------------------|
| 10  | Số 2803-2021/<br>HĐ-KS         | 2021 | Khảo sát đo vẽ bản đồ địa hình 1/10.000 phục vụ lập quy hoạch chung thành phố Hạ Long đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050                                                                         | Công ty TNHH và đầu tư phát triển sản xuất Hạ Long | Quảng Ninh     | 3.327.000                |
| 11  | Số 03/HĐTV-<br>KSQH            | 2021 | Khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5000 lập đồ án quy hoạch chung đô thị Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước đến năm 2040                                                                          | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Phú Riềng           | Bình Phước     | 1.181.008                |
| 12  | Số 20-<br>38/HĐKT              | 2021 | Tư vấn khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5000 phục vụ lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng 18 xã huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030.                                                        | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Phú Bình            | Thái Nguyên    | 5.129.142                |
| 13  | Số<br>16/17/18/HĐT<br>V-PUD-MT | 2021 | Khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực ven biển hai xã Tân Bình – Tân Tiến, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận; ven biển xã Tân Phước; ven biển 2 xã Tân Tiến – Tân Hải | Ban Quản lý dự đầu tư xây dựng thị xã La Gi        | Bình Thuận     | 6.386.223                |
| 14  | Số 03/2022/<br>HĐTV-QH         | 2022 | Tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì                                                                                       | Phòng Quản lý đô thị thành phố Việt Trì            | Phú Thọ        | 1.183.570                |
| 15  | Số 01/2022/<br>HĐ-DVTV         | 2022 | Bay chụp ảnh bằng UAV thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ                                                                                                                                            | Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Việt Trì  | Phú Thọ        | 489.474                  |
| 16  | Số<br>03/2023/HĐTV             | 2023 | Khảo địa hình phục vụ lập quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065                                                                                               | Sơ Xây Dựng tỉnh Thừa Thiên Huế                    | Thừa Thiên Huế | 5.326.473                |
| 17  | Số<br>03/2023/HĐTV             | 2023 | Khảo địa hình phục vụ lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN - Cảng biển Hải Hà                                                                                                         | BQL khu kinh tế tỉnh Quảng Ninh                    | Quảng Ninh     | 2.029.000                |



| STT | HỢP ĐỒNG SỐ               | NĂM  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                             | CHỦ ĐẦU TƯ                                                     | ĐỊA ĐIỂM   | GIÁ TRỊ<br>( Nghìn đồng) |
|-----|---------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------|--------------------------|
| 18  | Số<br>01/2023/HĐKT<br>-LD | 2023 | Đo bản đồ địa hình phục vụ lập quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu du lịch sinh thái Đảo Hòn Lớn (phân khu 01)                                                                                            | Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong                              | Khánh Hòa  | 2.940.310                |
| 19  | Số<br>02/2023/HĐKT<br>-LD | 2023 | Đo bản đồ địa hình phục vụ lập quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu du lịch Núi Khải Lương (phân khu 02)                                                                                                   | Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong                              | Khánh Hòa  | 1.077.163                |
| 20  | Số<br>03/2023/HĐKT<br>-LD | 2023 | Đo bản đồ địa hình phục vụ lập quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Trung tâm cảng biển - Đô thị Đầm Môn (phân khu 03)                                                                                         | Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong                              | Khánh Hòa  | 2.422.007                |
| 21  | Số<br>08/2023/HĐKT<br>-LD | 2023 | Đo bản đồ địa hình phục vụ lập quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị du lịch Cổ Mã - Tu Bông (phân khu 08)                                                                                           | Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong                              | Khánh Hòa  | 3.792.998                |
| 22  | 01/2023/HĐ-TV             | 2024 | Lập nhiệm vụ khảo sát, khảo sát địa hình và lập đồ án Quy hoạch bảo quản, tu bổ và phục hồi danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Tràng An - Tam Cốc - Bích Động, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Ban quản lý quần thể danh thắng Tràng An (Sở Du lịch Ninh Bình | Ninh Bình  | 4.790.000                |
| 23  | 15.01/2024/HĐ TV          | 2024 | Khảo sát siêu âm địa chấn địa hình đáy biển tại Quảng Ninh                                                                                                                                                           | CTCP Tư vấn xây dựng Công trình Hàng Hải                       | Quảng Ninh | 972.000                  |
| 24  | 105/2024/HĐTV /SXD-DVTNMT | 2024 | Tư vấn khảo sát địa hình đo đạc lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000 phục vụ quy hoạch phân khu (phân khu N7 - khu vực phía đông thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn)                                                        | Công ty TNHH Thái Sơn Bắc Kạn                                  | Bắc Kạn    | 551.885                  |

| STT | HỢP ĐỒNG SỐ          | NĂM  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                  | CHỦ ĐẦU TƯ                                     | ĐỊA ĐIỂM           | GIÁ TRỊ<br>( Nghìn đồng) |
|-----|----------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|--------------------------|
| 25  | 0409-2024/HĐ-TV      | 2024 | Tư vấn lập đồ án quy hoạch chung đô thị Lương Sơn tỷ lệ 1/10.000 đến năm 2045                                                                                                                             | Phòng Quản lý Đô thị huyện Lương Sơn           | Hòa Bình           | 2,852,098                |
| 26  | 68/HĐTV_PUD-CDTM_869 | 2025 | Khảo sát, Lập đồ án quy hoạch và lấy ý kiến cộng đồng thuộc dự án: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực Tây Sông Dinh, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận                               | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã La Gi | Bình Thuận         | 1,436,223                |
| 27  | 02/2025/HĐTV         | 2025 | Khảo sát cập nhật, hiện chỉnh bản đồ nền hiện trạng địa hình phục vụ Lập quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Ninh Cơ, tỉnh Nam Định                                                                      | CTPC Tư vấn và Thiết kế Công trình             | Nam Định           | 650,000                  |
| 28  | 07/2024/HĐTV-QHPK    | 2025 | Tư vấn khảo sát địa hình, lập đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu vực đảo Trà Bần, Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh                                                                    | Ban quản lý khu kinh tế Quảng Ninh             | Quảng Ninh         | 2,510,000                |
| 29  | 02/2024/HĐTV-QHPK    | 2025 | Tư vấn khảo sát địa hình, lập đồ án quy hoạch thuộc dự án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu B2-Khu công nghiệp và đô thị dịch vụ Hải Hà 1 thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh | Ban quản lý khu kinh tế Quảng Ninh             | Quảng Ninh         | 950,000                  |
| 30  | 30/HĐ-SXD            | 2025 | Tư vấn khảo sát địa hình; Lập Quy hoạch phân khu IX.A-Điều chỉnh Quy hoạch phân khu hai bên tuyến đường Nam Định - Phủ Lý (đoạn qua địa bàn tỉnh Nam Định) -Khu vực phía Bắc đường Nam Định-Pủ Lý         | Sở Xây Dựng tỉnh Nam Định                      | Nam Định và Hà Nam | 2,027,000                |



### III. DỰ ÁN TIÊU BIỂU – QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

| STT | HỢP ĐỒNG SỐ      | NĂM  | NỘI DUNG                                                                                                      | CHỦ ĐẦU TƯ                                                          | ĐỊA ĐIỂM   | GIÁ TRỊ<br>( Nghìn đồng) |
|-----|------------------|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------|
| 1   | Số 725/2016/HĐKT | 2016 | Lập quy hoạch sử dụng đất năm 2017 thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị                                          | Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đông Hà                    | Quảng Trị  | 357.437                  |
| 2   | Số 01/HĐKT       | 2018 | Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị                                              | Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gio Linh                       | Quảng Trị  | 176.500                  |
| 3   | Số 03/2019/HĐKT  | 2019 | Lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2020, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị                                   | Phòng tài nguyên và môi trường huyện Gio Linh                       | Quảng Trị  | 219.689                  |
| 4   | Số 429/HĐKT      | 2020 | Lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2021 thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Đông Hà                    | Quảng Trị  | 1.813.843                |
| 5   | Số 01/2021/HĐTV  | 2021 | Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh                                   | BQLDA Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Hương Khê | Hà Tĩnh    | 2.021.948                |
| 6   | Số 05/HĐKT       | 2021 | Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước        | Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã Bình Long                     | Bình Phước | 1.996.221                |
| 7   | Số 02/HĐKT       | 2021 | Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Gio Linh                 | Ban QL các DA thuộc phòng Tài nguyên và môi trường huyện Gio Linh   | Quảng Trị  | 2.398.087                |
| 8   | Số 20/HĐKT       | 2020 | Lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm đầu kỳ quy hoạch huyện Hướng Hóa       | Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hướng Hóa                      | Quảng Trị  | 1.813.843.00             |

| STT | HỢP ĐỒNG SỐ   | NĂM  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                           | CHỦ ĐẦU TƯ                              | ĐỊA ĐIỂM  | GIÁ TRỊ<br>( Nghìn đồng) |
|-----|---------------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------|--------------------------|
| 9   | Số 01/HĐKT    | 2022 | Lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021 - 2025) tỉnh Quảng Trị                                                                                                                                                        | Sở TNMT tỉnh Quảng Trị                  | Quảng Trị | 3.238.802                |
| 10  | Số 03/HĐĐH    | 2023 | Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Hướng Hóa                                                                                                                                                                  | Phòng TN và MT Huyện Hướng Hóa          | Quảng Trị | 496.759                  |
| 11  | 50/HĐ-STNMT   | 2024 | Ứng dụng công nghệ viễn thám trong quản lý đất đai, môi trường (giám sát ô nhiễm môi trường nước mặt), giám sát biến động đường bờ, quản lý biển và hải đảo tỉnh Cà Mau.                                           | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau | Cà Mau    | 2,708,282                |
| 12  | 411/HĐ-ĐCQHSD | 2024 | Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Hướng Hóa thuộc dự án: Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Hướng Hóa | Phòng TN và MT Huyện Hướng Hóa          | Quảng Trị | 2,660,900                |

IV. CUNG CẤP PHẦN MỀM ARCGIS ONLINE

| STT | HỢP ĐỒNG SỐ        | NĂM  | NỘI DUNG                                                                                                          | CHỦ ĐẦU TƯ                                                   | ĐỊA ĐIỂM              | GIÁ TRỊ<br>( Nghìn đồng) |
|-----|--------------------|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------|
| 1   | Số 725/2016/HĐKT   | 2023 | Gói phần mềm: ArcGIS Online User Type: GIS Professional Standard                                                  | Công ty TNHH NHL Quốc Tế                                     | Hà Nội                | 123.700                  |
| 2   | Số 01/HĐKT         | 2023 | Phần mềm ArcGIS Online User Type: GIS Professional Basic                                                          | Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng tổng hợp An Phước            | Quảng Bình            | 30.000                   |
| 3   | Số 03/2019/HĐKT    | 2023 | Phần mềm ArcGIS Online User Type: GIS Professional Basic (included: ArcGIS Pro Basic + Essential                  | Viện Quy hoạch đô thị và Nông thôn Quốc gia                  | Hà Nội                | 38.000                   |
| 4   | Số 429/HĐKT        | 2023 | ArcGIS Online User Type: GIS Professional Basic (included: ArcGIS Pro Basic + Essential AppsBundle+FieldAppBundle | Trung tâm kỹ thuật và dịch vụ Tài nguyên môi trường Hà Tuyên | Hà Giang              | 38.000                   |
| 5   | Số 01/2021/HĐTV    | 2023 | Phần mềm ArcGIS online Pr Standard theo hợp đồng số 02/2023/CDTM-AP ký ngày 14/11/2023                            | Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng tổng hợp An Phước            | Quảng Bình            | 145.800                  |
| 6   | Số 05/HĐKT         | 2023 | Phần mềm ArcGIS online Pr Standard theo hợp đồng số 01-2023/CDTM-VID ký ngày 21/11/2023                           | Công ty cổ phần đầu tư Kỹ thuật số Việt                      | Hà Nội                | 145.000                  |
| 7   | Số 02/HĐKT         | 2024 | Renew: ArcGIS Online User Type: GIS Professional Standard for SubcriptionID9551154295                             | Công ty TNHH NHL Quốc Tế                                     | Hà Nội                | 123.700                  |
| 8   | 2011/2024/IDT-CDTM | 2024 | Hợp đồng cung ứng phần mềm ARCGIS                                                                                 | CTCP Đầu tư phát triển công nghệ Tài nguyên và Môi trường    | Hà Nội và Thái Nguyên | 2,497,911                |





**CDTM**  
Anytime Anywhere

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ, DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

### Địa chỉ

63B Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, tp Hà Nội

### Văn phòng đại diện

P215B, Khách sạn Thể thao, 15 Lê Văn Thiêm  
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp Hà Nội

### Website

[www.cdtm.com.vn](http://www.cdtm.com.vn)

### Hotline

024.3552.8554